

TÁC ĐỘNG CỦA CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN QUỐC TẾ ĐẾN ĐỜI SỐNG KINH TẾ - XÃ HỘI CÁC TỘC NGƯỜI Ở KHU VỰC TÂY NGUYÊN TỪ NĂM 1990 ĐẾN NAY

Tạ Thị Tâm

Viện Dân tộc học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

Tóm tắt: Các chương trình, dự án có vốn đầu tư quốc tế tập trung nguồn lực hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng, sinh kế, xóa đói giảm nghèo, giáo dục và nâng cao chất lượng dịch vụ y tế. Các chương trình, dự án quốc tế và sự đầu tư của các tổ chức phi chính phủ đã vận động phù hợp với quy hoạch chung và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương ở vùng Tây Nguyên. Các chương trình, dự án đầu tư của Chính phủ và các tổ chức nước ngoài đã triển khai thực hiện đúng các quy định của Chính phủ, thực hiện hiệu quả, có ý nghĩa thiết thực phục vụ người dân và cộng đồng tham gia dự án. Đối tượng được hưởng lợi ngày càng mở rộng; đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ dân tộc thiểu số được đặc biệt quan tâm. .

Từ khóa: Chương trình, dự án, đầu tư, kinh tế - xã hội, tộc người thiểu số.

Nhận bài ngày 3.1.2021; gửi phản biện, chỉnh sửa và duyệt đăng ngày 22.2.2021
Liên hệ tác giả: Tạ Thị Tâm; Email: tam110986@gmail.com

1. MỞ ĐẦU

Tây Nguyên là vùng có vị trí địa chính trị đặc biệt quan trọng của Việt Nam. Về điều kiện kinh tế - xã hội, hiện nay, khoảng 74% dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên đang sống dưới chuẩn nghèo. Nhìn chung, kinh tế - xã hội, hiện nay, khoảng 74% dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên đang sống dưới chuẩn nghèo phía Bắc cộng đồng tham gia dự án. quá trình gia tăng về dân số, cơ cấu thành phần dân tộc trong dân cư Tây Nguyên cũng có sự biến chuyển nhanh chóng trong thời gian qua. Ở Tây Nguyên, năm 1976: Có 15 dân tộc; năm 1989: Có 37 dân tộc; năm 1999: Có 47 dân tộc; năm 2009: Có 54 dân tộc (Tổng cục thống kê các năm 1976, 1989, 1999, 2009). Về điều kiện kinh tế - xã hội, hiện nay, khoảng 74% dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên đang sống dưới chuẩn nghèo. Tây Nguyên là vùng nghèo nhất cả nước, với tỷ lệ nghèo của đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt cao.

Thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội cho đồng bào dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên là ưu tiên của Chính phủ Việt Nam và cộng đồng các nhà tài trợ quốc tế. Với đặc thù là vùng có tỷ lệ nghèo cao, vùng tập trung nhiều đồng bào dân tộc thiểu số, Tây Nguyên là một vùng

thụ hưởng quan trọng của Chương trình mục tiêu quốc gia của Chính phủ như Chương trình 135-II, các chương trình mục tiêu quốc gia (về giảm nghèo, nước sạch vệ sinh môi trường, giáo dục,...), Chương trình Giảm nghèo nhanh và bền vững cho 62 huyện nghèo (Chương trình 30A), và gần đây nhất là Chương trình Nông thôn mới,... Tây Nguyên cũng nhận được một số hỗ trợ của các nhà tài trợ quốc tế như Ngân hàng phát triển châu Á (Asian Development Bank, viết tắt là ADB) (giảm nghèo cho một số tỉnh, phát triển lâm nghiệp), Ngân hàng Thế giới (World bank, gọi tắt là WB) (giao thông nông thôn, tài chính nông thôn, năng lượng nông thôn) và nhiều tổ chức quốc tế khác. Mặc dù vậy, vùng Tây Nguyên mới chỉ chiếm khoảng 4% tổng vốn ODA (Official Development Assistance) (vốn đầu tư nước ngoài và nguồn vốn vay ưu đãi, còn gọi là vốn “Hỗ trợ phát triển chính thức”) của cả nước trong hơn hai thập kỷ gần đây. Tỷ lệ nghèo cao và dai dẳng, nhất là đối với các nhóm dân tộc thiểu số bản địa, vẫn tiếp tục là một thách thức đối với phát triển kinh tế-xã hội vùng Tây Nguyên (Bộ Kế hoạch và Đầu tư 2016, *Dự án Giảm nghèo Khu vực Tây Nguyên tại Đắk Nông, Đắk Lắk, Gia Lai, Kon Tum, Quảng Nam, và Quảng Ngãi: Báo cáo nghiên cứu khả thi cấp Trung ương*). *Gia Lai, Kon Tum, Quảng Nam, và Quảng Ngãi: Báo cáo nghiên cứu khả thi cấp Trung ương*”) của cả nước trong hơn hai thập kỷ. Trong báo viết này, chúng tôi tiêtrưng trình bày và phân tích các vva Quảng Ngãi: Báo cáo nghquốc tế ở địa bàn nghiên cứu là xã Ea Nuôl, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk. Xã Ea Nuôl, huy và phân tích các vva Quảng Ngãi: Báo cáo nghquốc tế ở địa bàn nghiên cứu là xã Ea Nuôl, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk đây. Tỷ lệ nghèo cao và dai Tã Ea Nuôl, huy và àn xã năm 2018 là 1.318/2.986 hộ (5.529/12.072 khẩu), chiếm 44,14% dân số toàn xã. Trong đó, người Kinh có 325 hộ; người dân tộc thiểu số (DTTS) tại chỗ có 898 hộ; người dân tộc khác có 95 hộ; số hộ cận nghèo có 212 hộ, chiếm 7,18%. Ea Nuôl là một xã nông nghiệp với ngành nghề chủ yếu là chăn nuôi và trồng trọt (UBND xã Ea Nuôl, 2018).

2. NỘI DUNG

2.1. Các lĩnh vực đầu tư

* Tại tỉnh Đắk Lắk

Từ năm 1993 đến năm 2017, tỉnh Đắk Lắk tiếp nhận 61 chương trình, dự án ODA, trong đó 46 dự án đã kết thúc và 15 dự án đang triển khai.

Bảng 1: Lĩnh vực đầu tư của các chương trình, dự án ODA đã kết thúc từ năm 1993-2017 tại tỉnh Đắk Lắk

TT	Lĩnh vực đầu tư	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Tổ chức tài trợ
1	Giao thông	9	19,6	Japan International Cooperation Agency (JICA)
2	Thủy lợi	9	19,6	JICA, Danida, KF
3	Phát triển đô thị (cấp thoát nước)	5	10,9	JICA, (United Nations Development Programme) UNDP, Danida, (Korea International Cooperation Agency) KOICA

4	Giảm nghèo	2	4,3	WB, ADB
5	Môi trường	1	2,2	WWF
6	Y tế	2	4,3	Chính phủ Áo, ADB và SIDA
7	Giáo dục	5	10,9	WB, ADB
8	Nông, lâm, thủy sản	7	15,2	Danida, GTZ, WB, AFD
9	Cải cách hành chính	2	4,3	Danida
10	Hạ tầng	4	8,7	JICA, Danida
	Tổng số	46	100,0	

(Nguồn: Báo cáo đánh giá hiệu quả, tác động của các dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi giai đoạn 1993-2017 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk)

Ở giai đoạn này, các chương trình, dự án do Chính phủ Nhật bản (JICA) tài trợ tập trung nhiều nhất ở các lĩnh vực giao thông, thủy lợi, phát triển đô thị, xây dựng cơ sở hạ tầng; Chính phủ Đan Mạch (DANIDA) lại tập trung đầu tư vào các lĩnh vực như thủy lợi, phát triển đô thị, nông, lâm, thủy sản, cải cách hành chính, xây dựng cơ sở hạ tầng; Ngân hàng thế giới (WB) và Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB) tập trung vào lĩnh vực giảm nghèo và giáo dục; các tổ chức khác như Chính phủ Áo, GTZ, WWK đầu tư vào các lĩnh vực môi trường, y tế, nông lâm thủy sản,...

Bảng 2. Lĩnh vực đầu tư của các chương trình, dự án ODA đang triển khai từ năm 1993-2017 tại tỉnh Đắk Lắk

TT	Lĩnh vực đầu tư	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Tổ chức tài trợ
1	Thủy lợi	4	26,7	WB
2	Phát triển đô thị (cấp thoát nước)	1	6,7	ADB, Danida
3	Giảm nghèo	2	13,3	WB, ADB
4	Y tế	2	13,3	ADB, WB
5	Giáo dục	3	20,0	KOICA, ADB
6	Nông, lâm, thủy sản	3	20,0	WB
	Tổng số	15		

(Nguồn Báo cáo đánh giá hiệu quả, tác động của các dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi giai đoạn 1993-2017 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk)

Ở giai đoạn này, Ngân hàng Thế giới tập trung đầu tư vào hầu hết các lĩnh vực mà các chương trình, dự án đang triển khai như thủy lợi, phát triển đô thị, giảm nghèo, y tế, giáo dục, nông lâm thủy sản. Ngân hàng Phát triển Châu Á cũng tập trung vào các lĩnh vực như phát triển đô thị, giảm nghèo, y tế, giáo dục.

Về viện trợ giai đoạn 2011-2015, tỉnh đã tiếp nhận 12 dự án và 19 khoản viện trợ phi dự án với tổng vốn 19,9 triệu USD từ nguồn vốn đầu tư của các chương trình quốc tế. So với các giai đoạn trước, lĩnh vực tài trợ của các tổ chức phi chính phủ không biến động nhiều nhưng quy mô tài trợ và số lượng dự án tăng lên đáng kể. Đến nay, trên địa bàn tỉnh có 15 tổ chức phi Chính phủ đang hoạt động (thông qua 16 khoản viện trợ với tổng giá trị toàn dự án là 17,2 triệu USD. Đặc biệt trong giai đoạn này đã vận động thành công 01 dự án với quy

mô tài trợ lớn một số tổ tại Mỹ (Tổng giá trị toàn dự án là 13 triệu USD, địa phương đối ứng 50%, tương đương 6,5 triệu USD). Tính riêng năm 2017, số lượng các loại dự án như sau:

Bảng 3. Các lĩnh vực đầu tư các khoản viện trợ phi chính phủ nước ngoài tại tỉnh Đắk Lắk năm 2017

TT	Lĩnh vực đầu tư	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Phát triển kinh tế - xã hội	2	9,1
2	Nông nghiệp	1	4,5
3	Tài nguyên môi trường	3	13,7
4	Y tế	4	18,2
5	Giáo dục đào tạo	7	31,8
6	Giải quyết các vấn đề xã hội	1	4,5
7	Viện trợ khẩn cấp	3	13,7
8	Khác	1	4,5
	Tổng số	22	

(Nguồn: Bảng tổng hợp các khoản viện trợ phi chính phủ nước ngoài triển khai tại tỉnh Đắk Lắk năm 2017 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk)

Trong năm 2017, có 22 khoản viện trợ phi chính phủ do 15 tổ chức nước ngoài tài trợ thuộc các lĩnh vực y tế, giáo dục, môi trường, nông nghiệp, hỗ trợ đối tượng có hoàn cảnh khó khăn. Trong đó, các lĩnh vực ưu tiên như xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ cho giáo dục, xây dựng nông thôn mới và môi trường.

Bảng 4. Lĩnh vực đầu tư của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài có hoạt động tại tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2006-2019

TT	Lĩnh vực đầu tư	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Tổ chức tài trợ
1	Phát triển đô thị (cấp thoát nước)	6	4,9	Các tổ chức tài trợ thuộc các nước Anh, Mỹ, Pháp, Đức, Nhật, Canada, Trung Quốc, Thụy Sĩ,
2	Giảm nghèo	13	10,6	
3	Môi trường	7	5,7	
4	Y tế	26	21,1	
5	Giáo dục	57	46,3	
6	Nông, lâm, thủy sản	13	10,6	
7	Cải cách hành chính	1	0,8	
	Tổng số	123		

(Nguồn: Báo cáo tình hình thực hiện Dự án đến hết năm 2018 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk)

Từ năm 1993 đến năm 2017, các dự án, công trình trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk đã góp phần cải thiện cơ bản và phát triển một bước cơ sở hạ tầng kinh tế, góp phần khơi dậy nguồn vốn trong nước và thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, cải thiện đời sống nhân dân.

* Tại huyện Buôn Đôn

Theo thống kê của UBND huyện, năm 2004 huyện mới bắt đầu được nhận nguồn vốn viện trợ của tổ chức quốc tế. Giai đoạn từ năm 2004 đến năm 2018, huyện chỉ nhận được 4 dự án hỗ trợ của tổ chức quốc tế và Dự án giảm nghèo khu vực Tây Nguyên.

Bảng 5. Lĩnh vực đầu tư các dự án có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn huyện Buôn Đôn giai đoạn 2004-2018

TT	Lĩnh vực đầu tư	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Tổ chức tài trợ
1	Giáo dục	3	75,0	UHCR, Children Fund - VCF, Costa Foundation và ED&Fman/Volcafe (Vương quốc Anh)
2	Giao thông	1	25,0	Nguồn vốn của chính phủ Pháp
	Tổng số	4	100,0	

(Nguồn: Báo cáo tổng hợp dự án đầu tư có vốn nước ngoài trên địa bàn huyện Buôn Đôn giai đoạn 2004-2018)

Bảng 6. Lĩnh vực đầu tư của Dự án giảm nghèo khu vực Tây Nguyên tại huyện Buôn Đôn giai đoạn 2015-2018

STT	Lĩnh vực đầu tư	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Tổ chức tài trợ
1	Phát triển hạ tầng cấp xã, thôn bản	49	71,1	WB
2	Phát triển cơ sở hạ tầng kết nối	5	7,2	WB
3	Triển khai các hoạt động sinh kế	15	21,7	WB
	Tổng số	69	100,0	

(Nguồn: Báo cáo Dự án giảm nghèo khu vực Tây Nguyên tại huyện Buôn Đôn giai đoạn 2015-2018)

Tại xã Ea Nuôl

Ea Nuôl là một trong 5 xã của huyện Buôn Đôn được thụ hưởng Chương trình giảm nghèo bền vững đã triển khai ở các lĩnh vực nông nghiệp, giáo dục, giao thông, hạ tầng. Dự án giảm nghèo Tây Nguyên thuộc Chương trình giảm nghèo bền vững ở xã Ea Nuôl tập trung nhiều nhất ở lĩnh vực nông nghiệp. Đó là các tiểu dự án sinh kế: nuôi heo thịt theo hướng an toàn sinh học, nuôi heo sinh sản, nuôi bò cái sinh sản, nuôi dê sinh sản, hỗ trợ trồng ngô, trồng cacao.

Bảng 7. Lĩnh vực đầu tư của Dự án giảm nghèo khu vực Tây Nguyên tại xã Ea Nuôl giai đoạn 2015-2018

TT	Lĩnh vực đầu tư	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Tổ chức tài trợ
1	Phát triển hạ tầng cấp xã, thôn bản	6	42,9	Chính phủ Việt Nam
2	Phát triển, kết nối thị trường	2	14,2	Chính phủ Việt Nam
3	Triển khai các hoạt động sinh kế	6	42,9	Chính phủ Việt Nam
	Tổng số	14	100,0	

(Nguồn: Báo cáo Dự án giảm nghèo khu vực Tây Nguyên tại xã Ea Nuôl giai đoạn 2015-2018)

2.2. Ngân sách đầu tư đầu tư

Tại tỉnh Đắk Lắk

Trong giai đoạn 1993-2017 tổng số vốn dự án ODA của tỉnh Đắk Lắk là 8.769 tỷ đồng, gồm cả dự án đã hoàn thành và đang thực hiện (trong đó vốn ODA là 6.774 tỷ đồng, chiếm 77,25%; vốn đối ứng là 1.995 tỷ đồng, chiếm 22,75%). Nguồn vốn này tập trung nhiều nhất lĩnh vực thủy lợi, nông, lâm thủy sản, y tế và giáo dục (Bảng 8 và 9).

Bảng 8. Ngân sách đầu tư của các chương trình, dự án ODA đã kết thúc giai đoạn 1993-2017 tại tỉnh Đắk Lắk

TT	Lĩnh vực đầu tư	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Tỷ lệ (%)	Chủ đầu tư
1	Giao thông	251.324	7,1	UBND huyện
2	Thủy lợi	981.436	27,8	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn
3	Phát triển đô thị (cấp thoát nước)	564.865	16,0	CT TNHH MTV cấp nước và ĐT xây dựng Đắk Lắk
4	Giảm nghèo	82.615	2,3	UBND huyện
5	Môi trường	15.567	0,4	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn
6	Y tế	447.850	12,7	Sở Y tế
7	Giáo dục	397.745	11,2	Sở Giáo dục và đào tạo
8	Nông, lâm, thủy sản	600.983	17,0	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn
9	Cải cách hành chính	52.212	1,5	Sở Nội vụ
10	Hạ tầng	141.196	4,0	UBND huyện
	Tổng số	3.535.793	100,0	

(Nguồn: Báo cáo đánh giá hiệu quả, tác động của các dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi giai đoạn 1993-2017 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk)

Bảng 9. Ngân sách đầu tư của các chương trình, dự án ODA đang triển khai giai đoạn 1993-2017 tại tỉnh Đắk Lắk

TT	Lĩnh vực đầu tư	Tổng mức đầu tư(triệu đồng)	Tỷ lệ (%)	Chủ đầu tư
1	Thủy lợi	1.887.929	36,1	CT TNHHMTV cấp nước và ĐT xây dựng Đắk Lắk
2	Phát triển đô thị (cấp thoát nước)	977.275	18,7	CT TNHHMTV cấp nước và ĐT xây dựng Đắk Lắk
3	Giảm nghèo	1.254.497	24	Sở Kế hoạch và đầu tư
4	Y tế	199.652	3,8	Sở Y tế
5	Giáo dục	216.738	4,1	Sở Giáo dục và đào tạo
6	Nông, lâm, thủy sản	697.620	13,3	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn
	Tổng số	5.233.711	100,0	

(Nguồn: Báo cáo đánh giá hiệu quả, tác động của các dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi giai đoạn 1993-2017. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk)

Năm 2017, trên địa bàn tỉnh có 15 dự án, chương trình ODA đang được triển khai thực hiện với tổng mức đầu tư 5.233.711 tỷ đồng, trong đó có 5 dự án do UBND tỉnh Đắk Lắk làm cơ quan chủ quản với tổng mức đầu tư là 2.874 tỷ đồng, 13 dự án do các bộ, ban ngành làm cơ quan chủ quản với tổng mức đầu tư là 2.359 tỷ đồng. Hầu hết các chương trình, dự án ODA đang được triển khai thực hiện và giải ngân theo đúng kế hoạch đề ra.

Về nguồn hỗ trợ của INGOs, các tỉnh Tây Nguyên là địa bàn đặc thù về an ninh - chính trị, luôn phải thận trọng trong việc tiếp xúc và tiếp nhận các nguồn viện trợ của INGOs. Vì thế, nguồn hỗ trợ này hạn chế hơn nhiều so với một số tỉnh khác như Lào Cai, Bắc Kạn, Sơn La,... Nguồn vốn này tập trung vào các lĩnh vực giáo dục, y tế và nông nghiệp.

Bảng 10. Nguồn vốn đầu tư của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài có hoạt động tại tỉnh Đắk Lắk từ năm 2006-2019

TT	Lĩnh vực đầu tư	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Phát triển đô thị (cấp thoát nước)	1.052.745	4,4
2	Giảm nghèo	1.125.072	4,7
3	Môi trường	1.292.313	5,3
4	Y tế	10.613.186	43,9
5	Giáo dục	6.319.412	26,1
6	Nông, lâm, thủy sản	3.652.375	15,1
7	Cải cách hành chính	127.850	0,5
	Tổng số	24.182.953	100,0

(Nguồn: Báo cáo tình hình thực hiện Dự án đến hết năm 2018 của Ban giảm nghèo huyện Buôn Đôn năm 2019)

Tính riêng năm 2017, có 22 khoản viện trợ phi chính phủ do 15 tổ chức nước ngoài tài trợ với tổng ngân sách toàn dự án là 4,479 triệu USD được triển khai trên địa bàn tỉnh, trong đó, có 14 khoản mới tiếp nhận trong năm 2017 có tổng trị giá 2,873 triệu USD từ 9 nhà tài trợ. Kết quả này tăng cả hai tiêu chí là số khoản viện trợ và giá trị dự án so với năm 2016 (năm 2016 là 12 khoản, 9 nhà tài trợ và tổng giá trị cam kết là 1,925 triệu USD).

□ **Tại huyện Buôn Đôn**

Dự án Giảm nghèo Khu vực Tây nguyên tại tỉnh Đắk Lắk có kinh phí dự kiến là gần 29,5 triệu USD; trong đó vốn vay từ Ngân hàng Thế giới là hơn 28,0 triệu USD; tổng vốn đối ứng của Chính phủ Việt Nam ước tính là hơn 1,45 triệu USD (chiếm gần 5% tổng vốn vay của Ngân hàng Thế giới). Giai đoạn 2015 đến 2018, huyện Buôn Đôn đã nhận được số kinh phí là trên 91.255 triệu đồng, tập trung vào các lĩnh vực: phát triển hạ tầng cấp xã, thôn/buôn, cơ sở hạ tầng kết nối và triển khai các hoạt động sinh kế.

Bảng 11. Ngân sách đầu tư của Dự án giảm nghèo khu vực Tây Nguyên tại huyện Buôn Đôn từ năm 2015-2018

TT	Lĩnh vực đầu tư	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Tỷ lệ (%)	Tổ chức tài trợ
1	Phát triển hạ tầng cấp xã, thôn/buôn	34.202	37,5	Chính phủ Việt Nam
2	Phát triển cơ sở hạ tầng kết nối	28.015	30,7	Chính phủ Việt Nam
3	Triển khai các hoạt động sinh kế	29.038	31,8	Chính phủ Việt Nam
	Tổng số	91.255		

(Nguồn: Dự án giảm nghèo khu vực Tây Nguyên tại huyện Buôn Đôn từ năm 2015-2018)

Bên cạnh nguồn hỗ trợ của Dự án giảm nghèo khu vực Tây Nguyên, người dân của các cộng đồng tham gia dự án có sự đóng góp tích cực. Cụ thể như, tổng kinh thực hiện dự án nuôi bò cái sinh sản là 483.638 triệu đồng, trong đó vốn dự án hỗ trợ là 393.000 triệu đồng, vốn do người dân đóng góp là 90.638 triệu đồng; tổng kinh thực hiện dự án nuôi heo thịt là 257.977 triệu đồng, trong đó, vốn dự án hỗ trợ là 199.977 triệu đồng, vốn do người dân đóng góp là 58.000 triệu đồng; tổng kinh thực hiện dự án nuôi dê sinh sản là 343.177 triệu đồng, trong đó, vốn dự án hỗ trợ là 199.887 triệu đồng, vốn do người dân đóng góp là 143.290 triệu đồng. Trong bối cảnh nguồn ngân sách còn hạn hẹp, nguồn hỗ trợ tài chính của các tổ chức INGOs mang lại nguồn lực phát triển cho các huyện nghèo như Buôn Đôn.

Bảng 12. Ngân sách đầu tư các dự án có vốn nước ngoài trên địa bàn huyện Buôn Đôn giai đoạn 2004-2018

TT	Lĩnh vực đầu tư	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Tỷ lệ (%)	Chủ đầu tư
----	-----------------	------------------------------	-----------	------------

1	Giáo dục	10.310.506	87,0	UBND huyện Buôn Đôn
2	Giao thông	1.500.000	13,0	UBND xã EA Wer
	Tổng số	11.810.506	100,0	

(Nguồn: Báo cáo tổng hợp dự án đầu tư có vốn nước ngoài trên địa bàn huyện Buôn Đôn giai đoạn 2004-2018)

Tại huyện xã Ea Nuôl

Với sự hỗ trợ của Dự án giảm nghèo Tây Nguyên, tính đến cuối năm 2017, xã Ea Nuôl đã thực hiện 08 công trình, tổng số vốn đầu tư: 5.559.232.000 đồng, với 1.197 hộ hưởng lợi; trong đó có 725 hộ người Kinh, 430 hộ Ê-đê; 42 hộ dân tộc mới di cư đến. Số hộ nghèo và cận nghèo tham gia Dự án là 568 hộ.

Bảng 13. Hỗ trợ của Dự án giảm nghèo Tây Nguyên đối với các hộ gia đình tại xã Ea Nuôl trong 3 năm (2015-2017)

TT	Loại hình sinh kế	Giá trị hỗ trợ	Địa điểm thực hiện	Tổng số tiền	Năm thực hiện
01	Nuôi bò sinh sản	11 hộ; 11 con bò cái; chuồng trại; tập huấn kỹ thuật.	Buôn Ko Đung B	385.364.399	2015 (01 nhóm)
02	Trồng ngô lai	39 hộ; 11,7ha; hỗ trợ chi phí cày đất; giống, phân bón,...; tập huấn kỹ thuật.	Thôn Tân Phú	45.751.000	2015 (03 nhóm)
			Thôn Hòa Thanh	62.719.000	
			Buôn Niêng 1	33.072.000	
03	Nuôi dê sinh sản	175 hộ; 350 con dê giống; chuồng trại; tập huấn kỹ thuật.	Buôn Niêng 2	99.692.000	2016 (6 nhóm)
			Buôn Niêng 3	99.692.000	
			Buôn Ko Đung A	179.496.000	
			Buôn Ea Mthar 1A	120.517.200	
			Buôn Ea Mthar 1B	148.992.000	
			Thôn Hòa Nam 2	98.892.000	
			Thôn Hòa An	209.280.000	2017 (5 nhóm)
			Thôn Hòa Thanh	209.280.000	
			Thôn Đại Đồng	209.280.000	

			Thôn Hòa Nam 1	209.280.000	
			Thôn Ea Mthar 3	209.190.000	
			Thôn Tân Thanh	199.555.000	
04	Nuôi gà thả vườn	40 hộ; 4000 con gà; chuồng trại; thức ăn bổ sung; tập huấn kỹ thuật.	Thôn Hòa Phú	199.555.000	2017 (02 nhóm)
05	Nuôi heo thịt	60 hộ; 180 con heo thịt; chuồng trại; thức ăn bổ sung; tập huấn kỹ thuật.	Buôn Niêng 2	181.756.000	2017 (03 nhóm)
			Buôn Ko Đung A	181.756.000	
			Buôn Ea Mthar 1B	181.756.000	
06	Nuôi Heo sinh sản	40 hộ; 40 con heo giống; chuồng trại; thức ăn bổ sung; tập huấn kỹ thuật.	Buôn Ea Mthar 1A	239.956.000	2017 (02 nhóm)

2.3. Địa bàn hoạt động và đối tượng hưởng lợi từ các chương trình, dự án quốc tế

Về địa bàn thụ hưởng, các chương trình, dự án quốc tế ưu tiên hỗ trợ các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, thôn bản đặc biệt khó khăn. Tiêu chí xác định các xã và thôn bản này thay đổi theo từng giai đoạn và được Chính phủ quy định chi tiết. Đối với dự án giảm nghèo khu vực Tây Nguyên, địa bàn dự án được lựa chọn như sau:

Các huyện dự án được chọn trên cơ sở tỷ lệ hộ nghèo đo lường theo các chuẩn khác nhau nên tỷ lệ hộ nghèo¹ tham chiếu của Dự án dựa trên Chuẩn nghèo mức 400 nghìn đồng/người/tháng (theo quy định của Chính phủ về tỷ lệ hộ nghèo giai đoạn 2011-2015, áp dụng cho vùng nông thôn). Căn cứ theo tiêu chí đó, 5 huyện được chọn vào vùng Dự án của Đắk Lắk gồm: Buôn Đôn, Ea Súp, Lắc, Krông Bông và M'Đrăk.

Tại các địa bàn thụ hưởng, các chương trình, dự án quốc tế, đặc biệt là các dự án INGOs thường ưu tiên hỗ trợ cho các hộ DTTS, đặc biệt là hộ nghèo, phụ nữ, trẻ em, và các đối tượng dễ bị tổn thương khác. Với các hoạt động đầu tư vào cơ sở hạ tầng thì tất cả các hộ trong vùng thụ hưởng, nhưng các chương trình, dự án luôn ưu tiên các công trình phục vụ cho phát triển sinh kế và cải thiện đời sống của hộ nghèo. Đối với các hỗ trợ cho hộ nghèo và các đối tượng khác, gồm cả những hộ không nghèo, cũng có thể thụ hưởng nếu sự tham gia đó có tác động tích cực đến các hộ nghèo, hộ dễ bị tổn thương khác. Ví dụ, Dự án giảm nghèo khu vực Tây Nguyên ưu tiên đối tượng thụ hưởng là hộ nghèo, hộ không nghèo có thể tham

¹ Tỷ lệ hộ nghèo là số báo cáo chính thức của Sở LĐTĐ&XH với UBND tỉnh và Bộ LĐTĐ&XH về kết quả phân loại hộ nghèo năm 2010 (triển khai theo quy trình của Bộ LĐTĐ&XH hướng dẫn thực hiện Quyết định 1752/QĐ-TTg ngày 21/9/2010).

gia các tổ nhóm nhưng với tỷ lệ nhất định cho từng loại tổ nhóm (không quá 50% tổng số thành viên tổ nhóm) và đảm bảo hộ không nghèo tham gia phải cam kết hỗ trợ các hộ nghèo khác là thành viên của tổ nhóm.

Thông qua công tác giám sát về mức độ tham gia và hưởng thụ, các chương trình, dự án ODA đã đảm bảo sự tham gia tích cực của đối tượng hưởng lợi trong quá trình tham vấn, lập kế hoạch, các hoạt động do chương trình, dự án hỗ trợ, phổ biến thông tin về hỗ trợ thông qua truyền thông, tăng cường công tác đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực.

Dự án giảm nghèo khu vực Tây Nguyên tại huyện Buôn Đôn từ năm 2015-2018 đã nâng cấp, xây mới và sửa chữa 31,98km, xây dựng 4 nhà văn hoá thôn, buôn, xây dựng 5 công trình sân nhà cộng đồng với 3.488,66m², xây mới 1.700m kênh mương, xây dựng 1 trường học mới. Số hộ hưởng lợi từ dự án là 7.764 hộ, trong đó, hưởng lợi trực tiếp từ các hoạt động sinh kế là 2.974 hộ. Số hộ nghèo hưởng lợi từ dự án là 4.926 hộ, trong đó, hưởng lợi trực tiếp từ các hoạt động sinh kế là 2.040 hộ. Số hộ là người DTTS được hưởng lợi từ dự án là 4.290 hộ, trong đó hưởng lợi trực tiếp từ các hoạt động sinh kế là 1.880 hộ. Số thành viên LEG được tập huấn nâng cao năng lực là 2.974 người.

Dự án giảm nghèo khu vực Tây Nguyên từ năm 2015 đến năm 2018, về phát triển cơ sở hạ tầng cấp xã và thôn bản, đã thực hiện 8 công trình với 1.197 hộ hưởng lợi, trong đó, có 725 hộ người Kinh, 430 hộ DTTS, 42 hộ di cư và 568 hộ nghèo và cận nghèo. Đến năm 2017, xã Ea Nuôl có 8 loại hình sinh kế với 433 hộ hưởng lợi, trong đó, 185 hộ người Kinh, 182 hộ DTTS, 66 hộ di cư và 293 hộ nghèo và cận nghèo.

Trong số 352 hộ tham gia các nhóm Leg có, 8 hộ dân tộc Kinh, 1 hộ dân tộc Tày, 343 hộ dân tộc Ê đê, 43 hộ khá, 287 hộ nghèo và 22 hộ cận nghèo.

3. KẾT LUẬN

Trong bối cảnh nguồn vốn địa phương còn nhiều hạn chế, nguồn hỗ trợ của các chương trình, dự án quốc tế có vai trò quan trọng, bổ sung một phần cho ngân sách nhà nước để phát triển kinh tế - xã hội, là đòn bẩy thúc đẩy phát triển. Đặc điểm về kinh tế, văn hóa và xã hội ở Tây Nguyên hiện nay đã có những thay đổi so với truyền thống, một phần do sự tác động của các chương trình, dự án quốc tế. Những biến chuyển này có thể kể đến như: thay đổi cơ cấu kinh tế, hình thành ngành nghề mới, đưa các cây/con giống mới vào sản xuất, quan hệ gia đình và dòng họ thay đổi do thích nghi với điều kiện sản xuất và sinh hoạt mới,... Việc triển khai cũng như sự thành công hay không thành công của các chương trình, dự án phát triển kinh tế của Nhà nước Việt Nam, cũng như của các tổ chức quốc tế tại vùng các tộc người thiểu số trên địa bàn các tỉnh Tây Nguyên đều chịu tác động của yếu tố văn hóa tộc người, thể hiện ở những khía cạnh: tiếp cận thông tin, huy động nguồn lực cộng đồng tham gia, sự hưởng lợi và giám sát của cộng đồng với chương trình, dự án. Những yếu tố trên, cùng thực tế thành công và không thành công với mức độ khác nhau của các chương trình, dự án của Chính phủ Việt Nam và các tổ chức quốc tế trên địa bàn các tộc người thiểu số ở vùng Tây Nguyên rất cần được lưu ý, rút kinh nghiệm cho việc triển khai chương trình, dự án trong thời gian tới. Để các chương trình, dự án mang lại những tác động, hiệu quả tích cực, việc đánh giá tiền khả thi dự án, trong

đó có đặc điểm văn hóa của cộng đồng/tộc người khu vực dự án cần được thực hiện kỹ lưỡng và xem xét thấu đáo, tránh làm hình thức, dẫn đến những hoạt động dự án không phù hợp, gây lãng phí và ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống của người dân.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ kế hoạch và đầu tư (2016), *Dự án Giảm nghèo Khu vực Tây Nguyên tại Đắk Nông, Đắk Lắk, Gia Lai, Kon Tum, Quảng Nam, và Quảng Ngãi: Báo cáo nghiên cứu khả thi cấp Trung ương*, Hà Nội.
2. Ủy Ban Dân tộc (2016), *Tình hình kinh tế - xã hội vùng dân tộc và miền núi, kết quả thực hiện các chính sách dân tộc năm 2016; nhiệm vụ năm 2017*, Hà Nội.
3. Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk (2017), *Báo cáo tình hình hoạt động, công tác quản lý, vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài năm 2017 và dự kiến kế hoạch năm 2018*, Báo cáo số 344/BC-UBND.
4. Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk, Sở Kế hoạch và đầu tư (2018), *Báo cáo đánh giá hiệu quả, tác động của các dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi giai đoạn 1993-2017*, Báo cáo số 1803/SKHĐT-KTĐN.
5. Ủy ban Nhân dân huyện Buôn Đôn (2018), *Báo cáo tình hình, kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018 và xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019*, Báo cáo số 344/BC-UBND.
6. Ủy ban Nhân dân huyện Buôn Đôn, Ban Quản lý Dự án giảm nghèo (2019), *Báo cáo tình hình thực hiện Dự án đến hết năm 2018*, BC-BQLDA.
7. Ủy ban Nhân dân xã Ea Nuôl (2018), *Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh năm 2018, phương hướng nhiệm vụ năm 2019*.
8. Ủy ban Nhân dân xã Ea Nuôl, Ban Phát triển xã (2018), *Báo cáo kết quả thực hiện Dự án giảm nghèo khu vực Tây Nguyên xã Ea Nuôl từ năm 2015 đến nay và triển khai kế hoạch hoạt động năm 2018*, Báo cáo số 02/BC-BPT.

EFFECTS OF INTERNATIONAL PROGRAMS AND PROJECTS TO THE SOCIO-ECONOMIC LIFE OF CENTRAL HIGHLAND ETHNIC PEOPLE FROM 1990 TILL NOW

Abstract: Since 1990, international and non-governmental organizations investments have focused on supporting infrastructure, developing livelihood, reducing poverty, improving education and health service quality of the Central highland ethnic people. These programs and projects have been mobilized in accordance with the general planning and socio-economic development policies of localities. In accordance with the Government's regulations, most of the international programs and projects have been implemented effectively, with practical significance for the ethnic people and communities involved. Along with the expanding beneficiaries, the subjects of poor households and ethnic minority households are particularly interested day by day.

Keywords: Programs, projects, investment, socio-economic, ethnic minorities